

Bản án số: 204/2025/HS-ST  
Ngày 26/11/2025

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lê Văn Công.
- Ông Phan Văn Cường.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hương Giang, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc T, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 188/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2023/QĐXXST-HS ngày 11 Tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Nguyễn Đình C, sinh ngày 02/02/2007 tại tỉnh Nghệ An; thường trú: Thôn H, xã V, tỉnh nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; con ông Trần Đình H, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1986; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2025 cho đến nay. Có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo Trần Nguyễn Đình C:* Ông Nguyễn Phước L - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H. Có mặt.

**- Bị hại:** Anh Nguyễn Hữu K, sinh năm 1975; thường trú: Đội 13, thôn T, xã N, thành phố Hải Phòng, chỗ ở hiện tại: Số B khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Anh Trần Văn Gia B, sinh năm 2005; thường trú: Xóm H, xã T, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện tại: Số H khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 01/4/2023, Trần Nguyễn Đình C đi bộ từ phòng trọ tại địa chỉ số D, đường I, khu phố D, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) đến khu vực khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) tìm kiếm tài sản người dân quản lý sơ hở để trộm cắp. Khi C đi đến trước số nhà B, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh thì nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave màu trắng, biển số 94K1-715.74 của anh Nguyễn Hữu K dựng trước cửa nhà, trên ổ khóa xe có cắm chìa khóa, C quan sát xung quanh thấy không có người trông coi xe nên đi lại tiếp cận và ngồi lên xe, dùng tay mở chìa khóa, khởi động máy và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave màu trắng, biển số 94K1-715.74 của anh K chạy tẩu thoát.

Sau khi chiếm đoạt được xe của anh K, C điều khiển xe đến khu vực chợ Đ1, Thành phố Hồ Chí Minh tìm chỗ bán xe nhưng không bán được. C điều khiển xe quay về “Công viên nhỏ” trên đường số G, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh để tìm Trần Văn Gia B là bạn quen biết ngoài xã hội. Khi đến nơi, C dựng xe cách công viên khoảng 100 mét và đi bộ vào Công viên gặp B đang ngủ trên ghế đá. Lúc này, C nói cho B biết C vừa trộm được chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave màu trắng, biển số 94K1-715.74 và bàn bạc B đi tìm xe người dân bỏ bên ngoài để hút xăng đổ vào xe (do xe sắp hết xăng) để ngày mai mang đi tìm nơi bán chiếc xe trên lấy tiền chia nhau tiêu xài thì B đồng ý. C và B đi tìm chai nhựa để chứa xăng và tìm xe không có người trông coi để hút lấy xăng. Khi đi đến trước số A, đường số D, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị lực lượng Công an phường A tuần tra phát hiện có biểu hiện nghi vấn nên kiểm tra C và B không xuất trình được giấy tờ xe, C khai nhận chiếc xe trên là do C trộm cắp mà có nên lực lượng tiến hành lập biên bản mời về trụ sở làm việc.

- Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave màu trắng, biển số 94K1-715.74.

\* Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 61/BBĐG-HĐĐGTS ngày 28/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự thành phố D, tỉnh Bình Dương kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave màu trắng, BS: 94K1-715.74 trị giá 8.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản số: 61/BBĐG-HĐĐGTS ngày 28/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Tại cáo trạng số: 04/CT - VKS - KV16 ngày 13 tháng 10 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trần Nguyễn Đình C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025). Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025); khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên để xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Đình C với mức hình phạt từ 05 (năm) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

- Đối với hành vi của Trần Văn Gia B, mặc dù có biết tài sản của C là tài sản do phạm tội mà có và đồng ý sẽ cùng C đi tìm nơi bán tài sản để chia tiền tiêu xài theo lời

đề nghị của C, tuy nhiên trên thực tế thì B chưa thực hiện hành vi khách quan thể hiện việc đưa tài sản là xe mô tô đi tiêu thụ thì bị phát hiện bắt giữ, căn cứ các tài liệu thu thập chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với hành vi của Trần Văn Gia B về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định” theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

- Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave màu trắng, biển số 94K1-715.74 là của anh Nguyễn Hữu K đứng tên đăng ký sở hữu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định trả lại cho anh Nguyễn Hữu K.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Hữu K đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

*Người bào chữa cho bị cáo Trần Nguyễn Đình C là ông Nguyễn Phước L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H tranh luận:*

+ Về thủ tục tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Về nội dung: Thống nhất tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo, người bào chữa cho bị cáo đưa ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, tại thời điểm phạm tội nhận thức pháp luật của bị cáo còn hạn chế; khi phạm tội bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Luật Tư pháp người chưa thành niên để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 124 Luật Tư pháp người chưa thành niên cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm và thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà người bào chữa đưa ra đối với bị cáo Trần Nguyễn Đình C. Đối với mức hình phạt thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự đồng thời bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với bị hại anh Nguyễn Hữu K đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 01/4/2023, tại số nhà B, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh). Trần Nguyễn Đình C lên lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave màu trắng, biển số 94K1-715.74, có trị giá 8.000.000 đồng của bị hại anh Nguyễn Hữu K. Như vậy, hành vi của bị cáo lên lút chiếm đoạt tài sản của bị hại trị giá 8.000.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025). Do đó, Cáo trạng số: 04/CT - VKS - KV16 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi lên lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025).

[6] Về nhân thân: Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, khi phạm tội là người chưa thành niên, đang đi học nên khả năng nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi phạm tội của bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo Trần Nguyễn Đình C là 16 tuổi 02 tháng 02 ngày nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 119 và khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025): “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên áp dụng phạt tù cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Đối với hành vi của Trần Văn Gia B, mặc dù có biết tài sản của C là tài sản do phạm tội mà có và đồng ý sẽ cùng C đi tìm nơi bán tài sản để chia tiền tiêu xài theo lời đề nghị của C, tuy nhiên trên thực tế thì B chưa thực hiện hành vi khách quan thể hiện việc đưa tài sản là xe mô tô đi tiêu thụ thì bị phát hiện bắt giữ, căn cứ các tài liệu thu thập chưa đủ căn cứ xử lý hình sự đối với hành vi của Trần Văn Gia B về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025), là đúng theo quy định của pháp luật.

[9] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án là 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave màu trắng, biển số 94K1-715.74, hiện đã thu hồi trả lại cho bị anh Nguyễn Hữu K và bị hại K không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra đối với bị cáo về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt nhẹ hơn Viện kiểm sát đề nghị để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

[11] Xét quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo là có cơ sở chấp nhận một phần.

[12] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Trần Nguyễn Đình C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1 Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025) và khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

- Xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Đình C 03 (ba) tháng 16 (mười sáu) ngày tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2025 đến ngày 26/11/2025 (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt).

1.2 Áp dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Trần Nguyễn Đình C ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo C không bị tạm giữ, bị bắt tạm giam về một tội phạm nào khác.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Trần Nguyễn Đình C phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- VKSND khu vực 16 - TP. Hồ Chí Minh (01);
- Công an TP. Hồ Chí Minh (03);
- Phòng THA khu vực 16 - TP. Hồ Chí Minh (01);
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Người tham gia tố tụng (03);
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- THA hình sự (04);
- UBND xã, phường bị cáo thường trú (01);
- UBND xã, phường (nơi phát hiện tội phạm);
- Phòng PV06 CA Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Phòng PC10 CA Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Phân trại tạm giam Lái Thiêu (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Hoàng**

